TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2020/HS-ST
Ngày: 24/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang – Giáo viên hưu trí.

2. Ông Nguyễn Trọng Di – Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST - HS, ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/HSST-QĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T; (Tên gọi khác: Tiến); Giới tính: Nam; sinh năm 1995; tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 04, phường ĐL, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện nay: Khu phố Song T 03, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: Lê Văn H, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1978. Gia đình có 02 anh, chị, em. Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 1998; vợ: Nguyễn Thị T R, sinh năm: 1993; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm: 2015, nhỏ nhất sinh năm: 2018; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13.12.2019, hiện đang tạm giam nhà tại tạm giữ Công an huyện Tuy Phong; có mặt.

- Người bị hại:

1/ Ông Phạm Hữu G, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Khu phố Minh Tân 01, thị trấn C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Thái H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng trưa ngày 07/12/2019, bị cáo Lê Văn T đi bộ trên đường thuộc thị trấn Cthì nhặt được 01 chiếc chìa khóa loại xe mô tô nên bị cáo nảy sinh ý định sử dụng chìa khóa nhặt được này để trộm cắp xe máy bán kiếm tiền tiêu xài. Đến khoảng 11 giờ ngày 08/12/2019, bị cáo đi bộ dọc theo đường Thống Nhất, thị trấn C hướng ra Quốc Lộ 1A, khi đến tiệm Internet Hội quán Game số 73 đường Thống Nhất, thị trấn C thì bị cáo nhìn thấy hành lang trước tiệm có dựng xe mô tô biển số 86R1-1901, hiệu wave anphal màu đỏ - đen do Phạm Hữu G đứng tên chủ sở hữu, Phạm Hữu Phúc K là con của Gia sử dụng xe mô tô trên chạy đến quán game để chơi điện tử. Bị Cáo dùng chìa khóa mở xe thì xe mở khóa được. Bị cáo nổ máy xe chạy đến khu vực xã C để chơi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 08/12/2019, bị cáo chạy xe trộm cắp được đến tiệm sửa xe của Xin do Lê Văn T làm chủ tại thị trấn C thì T nhìn thấy chìa khóa xe mô tô 86R1-1901 móc sẳn nơi móc ba ga giữa. Bị cáo dùng chìa khóa mở cốp xe kiểm tra thì thấy 01 cà vẹt xe mô tô 86R1-1901 mang tên Phạm Hữu G. Bị cáo gạ bán xe này cho Lê Văn T là chủ tiệm sửa xe với giá tiền là 4.500.000 đồng, Tuấn dùng điện thoại di động quay camera qua Zalo để giới thiệu cho Phạm Thái H là người quen của Tmua xe. Hùng đồng ý mua xe mô tô 86R1- 1901 giá là 3.600.000đồng (H và T không biết xe mô tô do bị cáo trộm cắp mà có). T đưa tiền cho bị cáo sau đó bị cáo lấy tiền bỏ đi. Phạm Hữu Phúc K kể lại sự việc bị mất xe cho G, G trình báo sự việc bị mất xe đến Công an thị trấn C.

Tiếp đến khoảng 12 giờ 50 phút ngày 12/12/2019, bị cáo đi bộ hướng từ xã C theo đường Lý Thường Kiệt, thị trấn C mang theo chiếc chìa khóa đã nhặt được ngày 07/12/2019 nhằm phát hiện xe mô tô nào sơ hở bị cáo sẽ trộm cắp bán lấy tiền, khi đi đến tiệm game bắn cá "Giải Trí" đối diện siêu thị CoopMart thuộc khu phố M, thị trấn C thì bị cáo nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô biển số 86B1-063.46, hiệu Surius màu đỏ - đen do Nguyễn T đứng tên chủ sở hữu. Do Nguyễn Thị Xuân H mượn xe của Thiện đi chơi game, H dựng xe sát mép đường không có ai trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp xe. Bị cáo đi đến dùng chìa khóa nhặt được mở khóa xe thì xe mở được, bị cáo nổ máy xe chạy chạy đi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày 12/12/2019, T chạy xe mô tô 86B1-063.46 đến nhà Nguyễn Thị C tại khu phố M, thị trấn C là người quen của bị cáo. Thấy C đang ngủ nên bị cáo lấy điện thoại của C gọi điện cho Trần T Tình là bạn quen biết rủ T đến nhà C chơi, khi T đến bị cáo ngỏ ý bán xe mô tô 86B1-063.46 cho T với giá 2.000.000 đồng. T hỏi giấy tờ xe đâu thì bị cáo nói xe của nhà bị cáo để lâu nên bị mất giấy tờ. T đồng ý mua và hẹn đến chiều tối sẽ trả tiền nên bị cáo đồng ý bán thiếu nợ cho T xe mô tô 86B1- 063.46 giá 2.000.000 đồng. Đến tối ngày 12/12/2019 trong lúc T điều khiển xe mô tô 86B1- 063.46 trên đường thì bị Công an thị trấn C kiểm tra, yêu cầu cung cấp giấy tờ xe. T trình bày sự việc mua xe của bị cáo nên cơ quan

công an mời T và bị cáo đến trụ sở công an thị trấn C để làm việc. Qua làm việc bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô.

Tại bản kết luận và biên bản định giá tài sản số: 101/KL-HĐĐG ngày 13.12.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự – UBND huyện Tuy Phong kết luận:

- 01 chiếc mô tô 02 bánh hiệu Yamaha Sirius, màu Đen – Đỏ, biển số 86B1-063.46 có giá trị: 18.300.000 đồng/chiếc x 50% = 9.150.000 đồng.

- 01 chiếc mô tô 02 bánh hiệu Honda Wave α, màu Đỏ - đen, biển số 86R1-1901 có giá trị: 12.900.000 dồng/chiếc x 60% = 7.740.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: **16.890.000 đồng.**

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng số: 18/CT-VKS-TP, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

Về tang vật chứng và trách nhiệm dân: Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại Phạm Hữu G 01 xe mô tô 86R1-1901 và trao trả cho Nguyễn T 01 xe mô tô 86B1-063.46. Gia và T không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết. Phạm Hữu G và Nguyễn T không yêu cầu bồi thường về phần dân sự và Phạm Thái H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.600.000 đồng nên không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 chìa khóa xe máy là tang vật chứng không thu giữ được nên không xem xét, xử lý.

Riêng đối với ông Lê Văn T và Phạm Thái H đã mua xe mô tô từ bị cáo, do Tuấn và Hùng không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan

điều tra, Viện kiểm sát nhân dân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 12/2019, trên địa bàn thị trấn C, bị cáo Lê Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần cụ thể: Vào ngày 08/12/2019, bị cáo lén lút trộm cắp chiếc mô tô 02 bánh hiệu Honda Wave α, màu Đỏ - đen, biển số 86R1-1901 có giá trị: 12.900.000đồng/chiếc x 60% = 7.740.000đồng của ông Phạm Hữu G và ngày 12/12/2019, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc mô tô 02 bánh hiệu Yamaha Sirius, màu Đen – Đỏ, biển số 86B1-063.46 có giá trị: 18.300.000đồng/chiếc x 50% = 9.150.000đồng của ông Nguyễn T. Vì vậy, bản cáo trạng số: 18/CT/VKSTP-HS ngày 24/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, truy tố bị cáo Lê Văn T, về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lê Văn T là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không do sức lao động của bản thân làm ra, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của ông Phạm Hữu G và Nguyễn T với tổng trị giá tài sản là 16.890.000đồng (Mười sáu triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng). Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải tuyên phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc đủ để răn đe, giáo dục và tuyên truyền phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản mỗi lần chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000đ, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai

báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiệm trọng và bị hại có đơn xin bãi nại đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội.

[5] Về các tang vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Sau khi định giá tàn sản, cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại Phạm Hữu G 01 xe mô tô 86R1-1901 và trao trả cho Nguyễn T 01 xe mô tô 86B1-063.46. Gia và Thiện không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết. Phạm Hữu G và Nguyễn T không yêu cầu bồi thường về phần dân sự và Phạm Thái H không yêu cầu Lê Văn T trả lại số tiền 3.600.000đồng nên không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 chìa khóa xe máy là tang vật chứng không thu giữ được nên không xem xét, giải quyết.

Riêng đối với ông Lê Văn T và Phạm Thái H đã mua xe từ bị cáo, do T và H không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[7] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (Ngày 13.12.2019).

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/3/2020); người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bích Thị Kim Pháp